

TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CP CẢNG ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 506/CV-CDN

Đồng Nai, ngày 26 tháng 10 năm 2012

V/v: nộp bổ sung thuyết minh báo
cáo tài chính quý 3.2012

| | |
|---|------------------------------|
| SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH | |
| ĐẾN | Số: 35.743 |
| | Giờ: Ngày 26 tháng 10 năm 12 |

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3.2012.

Vừa qua Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai đã lập báo cáo tài chính 9 tháng năm 2012 gửi đến Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM để công bố thông tin. Tuy nhiên theo yêu cầu của Quý Sở, Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai còn thiếu phần thuyết minh về thông tin đối với các bên liên quan và báo cáo bộ phận.

Nay Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai lập bổ sung phần thuyết minh báo cáo tài chính về thông tin về các bên liên quan và báo cáo bộ phận.

(Đính kèm thuyết minh báo cáo tài chính quý 3.2012)

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD (thay b/c)
- P.KTCT
- Lưu VT



CÔNG TY CP CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ : Phường Long Bình Tân , TP Biên Hoà , Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

VIII : THÔNG TIN KHÁC

1 : Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị , Ban Tổng Giám Đốc , Ban kiểm soát trong kỳ như sau

| | Quý 3/2012 | Quý 3/2011 |
|---|-------------|-------------|
| Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác | 541,984,000 | 459,500,000 |

Trong quý 3/2012 công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan . Các nghiệp vụ chủ yếu như sau

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Gía trị giao dịch chưa VAT (VND) |
|---------------------------------|------------------|---------------------|----------------------------------|
| Tổng công ty phát triển KCN | Công ty mẹ | Chi trả tiền cổ tức | 3,778,488,000 |
| Công ty CP Cảng Long Thành | Công ty liên kết | Nhận tiền cổ tức | 366,300,000 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 223,711,856 |
| Công ty CP DV Hàng Hải Đồng Nai | Công ty liên kết | Nhận tiền cổ tức | 633,139,000 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 834,438,909 |
| Công ty CP DV Cảng Đồng Nai | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | 13,693,840 |
| | | Cước thuê xe xếp dỡ | 3,843,897,395 |

Cho đến ngày 30/09/2012 , các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Gía trị khoản phải thu / (phải trả) (VND) |
|---------------------------------|------------------|-----------------------|---|
| Công ty CP Cảng Long Thành | Công ty liên kết | Nhận tiền cổ tức | 366,300,000 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 61,389,326 |
| Công ty CP DV Hàng Hải Đồng Nai | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | 5,468,353,650 |
| Công ty CP DV Cảng Đồng Nai | Công ty liên kết | Cước thuê xe , xếp dỡ | (2,632,843,981) |

2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là : Kinh doanh khai thác cầu cảng , kho bãi , dịch vụ bốc xếp hàng hoá , do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/09/2012 (VND) | 01/01/2012 (VND) | 30/09/2012 (VND) | 01/01/2012 (VND) |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương tiền | 6,527,384,986 | 16,773,899,731 | 6,527,384,986 | 16,773,899,731 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 30,540,615,377 | 15,285,291,035 | 30,540,615,377 | 15,285,291,035 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 7,000,000,000 | 7,000,000,000 | 7,000,000,000 | 7,000,000,000 |
| Cộng | 44,068,000,363 | 39,059,190,766 | 44,068,000,363 | 39,059,190,766 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Các khoản vay | 6,398,338,065 | 23,707,148,050 | 6,398,338,065 | 23,707,148,050 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 9,992,655,992 | 10,203,862,774 | 9,992,655,992 | 10,203,862,774 |
| Chi phí phải trả | - | 87,208,644 | - | 87,208,644 |
| Cộng | 16,390,994,057 | 33,998,219,468 | 16,390,994,057 | 33,998,219,468 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30/09/2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2011 và vào ngày 30/09/2012 như thuyết minh. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2011 và vào ngày 30/09/2012.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:



| | Từ 01 năm trở xuống | Từ 01 năm đến 05 năm | Cộng |
|--------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | 15,414,322,637 | 976,671,420 | 16,390,994,057 |
| Các khoản vay | 5,865,488,051 | 532,850,014 | 6,398,338,065 |
| Phải trả người bán | 7,752,812,372 | - | 7,752,812,372 |
| Phải trả khác | 1,796,022,214 | 443,821,406 | 2,239,843,620 |
| Chi phí phải trả | - | - | - |
| Số đầu năm | 15,847,250,012 | 18,150,969,456 | 33,998,219,468 |
| Các khoản vay | 6,000,000,000 | 17,707,148,050 | 23,707,148,050 |
| Phải trả người bán | 7,679,831,115 | - | 7,679,831,115 |
| Phải trả khác | 2,080,210,253 | 443,821,406 | 2,524,031,659 |
| Chi phí phải trả | 87,208,644 | - | 87,208,644 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt và báo cáo tài chính từ kỳ 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

Người Lập Biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang

Kế Toán Trưởng



Vòng Thị Thúy Phượng



Biên hoà ngày 25 tháng 10 năm 2012

